

BÁO CÁO
Tài chính Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 6

Căn cứ Luật Kế toán năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn Báo cáo tài chính Nhà nước (BCTCNN); Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập BCTCNN tỉnh năm 2021;

Ủy ban nhân dân tỉnh¹ báo cáo tình hình tài chính nhà nước và kết quả hoạt động tài chính Nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2022, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước, từ năm 2019 hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN) có trách nhiệm tổng hợp, lập Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) toàn quốc và BCTCNN tỉnh trực thuộc trung ương, cụ thể:

- Tại điều 30 Luật Kế toán 2015 quy định: “Việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp;

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông nhất tại cuộc họp ngày 08 tháng 11 năm 2023.

4. Báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước...”

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Báo cáo tài chính nhà nước năm 2022 được tổng hợp trên cơ sở báo cáo cung cấp thông tin tài chính của 490/490 đơn vị trên địa bàn tỉnh và thực hiện theo Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn BCTCNN; Thông tư số 39/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018:

- Đối với thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng: Do sở, ban, ngành, địa phương trực tiếp cung cấp thông tin tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý; Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin tài sản kết cấu hạ tầng thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý cho KBNN quản lý thu chi Ngân sách Nhà nước trên địa bàn.

- Đối với thông tin thuyết minh tài sản cố định của đơn vị: do đơn vị dự toán cấp I, Ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm cung cấp cho KBNN quản lý thu chi NSNN trên địa bàn thông tin;

- Đối với tài sản cố định đặc thù (*là các tài sản cố định không xác định được chi phí hình thành hoặc không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật như: cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm, di tích lịch sử-văn hóa*): Do sở, ban, ngành địa phương sẽ trực tiếp cung cấp thông tin tài sản cố định đặc thù được giao quản lý, sử dụng (*nếu có*); Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp thông tin tài sản cố định đặc thù thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý, sử dụng (*nếu có*) cung cấp thông tin;

- Đối với nợ công: Sở Tài chính có trách nhiệm cung cấp thông tin nợ chính quyền địa phương cho KBNN tỉnh để thực hiện tổng hợp BCTCNN.

PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH KON TUM NĂM 2022

I. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Tổng tài sản của Nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 64.510 tỷ đồng được hình thành từ nguồn vốn của Nhà nước là 63.670 tỷ đồng và nợ phải trả là 840 tỷ đồng, chi tiết như sau:

1. Tổng tài sản của nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 64.510 tỷ đồng, gồm:

a) Tài sản ngắn hạn: 5.827 tỷ đồng tăng 23,98%, tăng 1.127 tỷ đồng so với năm 2021, gồm: Tiền tại quỹ ngân sách nhà nước và các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 4.924 tỷ đồng; Các khoản phải thu của nhà nước (*gồm*

phải thu thuế nội địa, xuất nhập khẩu, phải thu của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc khu vực Nhà nước) 777 tỷ đồng; Hàng tồn kho gồm hàng hóa thuốc của bệnh viện, hàng trưng bày nghề của Ban Dân tộc, in ấn phẩm tuyên truyền trong hội chợ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 126 tỷ đồng.

b) Tài sản dài hạn 58.683 tỷ đồng giảm 0,67%, giảm 397 tỷ đồng so với năm 2021, gồm: Đầu tư tài chính của Nhà nước là 409 tỷ đồng; Xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 1.211 tỷ đồng; Tài sản cố định hữu hình (*giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao, hao mòn*) là 50.524 tỷ đồng; Tài sản vô hình là 6.536 tỷ đồng; Tài sản dài hạn khác: 1,9 tỷ đồng.

2. Tổng công nợ của địa phương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 840 tỷ đồng (*chiếm 1,3 % tổng tài sản của nhà nước*), tăng 51,82% tương đương 287 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cơ cấu gồm: Nợ của chính quyền địa phương là 75 tỷ đồng⁽²⁾; Nợ phải trả của khu vực hành chính sự nghiệp (*đơn vị đi vay, nợ phải trả nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ là đơn vị bên ngoài khu vực Nhà nước*) là 763 tỷ đồng⁽³⁾.

3. Tổng nguồn vốn của Nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 63.670 tỷ đồng, tăng 0,70% tương đương 443 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, gồm: Nguồn vốn hình thành tài sản (*giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước và nguồn vốn kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập...*) 8.772 tỷ đồng; Thặng dư lũy kế (*kết quả hoạt động thu chi tài chính, ngân sách được hình thành, tích lũy qua các năm và chưa được phân bổ cho các chỉ tiêu nguồn vốn khác*) là 54.414 tỷ đồng; Nguồn vốn khác là 484 tỷ đồng.

II. VỀ THU, CHI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC NĂM 2022

1. Tổng thu của Nhà nước là 9.959 tỷ đồng, tăng 16,27% tương đương 1.394 tỷ đồng so với năm 2021 bao gồm: Thu phát sinh trong năm của NSNN là 9.251 tỷ đồng, chiếm 93% tổng thu của Nhà nước; các khoản thu phát sinh trong năm không thuộc NSNN là 708 tỷ đồng, chiếm 7% tổng thu của Nhà nước.

2. Tổng chi của Nhà nước là 7.731 tỷ đồng, tăng 7,53% tương đương 542 tỷ đồng so với năm 2021, bao gồm: chi từ nguồn NSNN là 6.982 tỷ đồng, chiếm 90,32% tổng chi của Nhà nước; chi từ nguồn ngoài NSNN là 748 tỷ đồng, chiếm 9,68% tổng chi của Nhà nước.

⁽²⁾ Năm 2022: vay lại từ nguồn vốn vay của chính phủ 23 tỷ đồng, trả nợ gốc 8 tỷ số liệu do Sở Tài chính báo cáo, được Kho bạc Nhà nước Kon Tum ghi nhận đối chiếu và Sở Tài Chính cho ý kiến theo Công văn 4108/STC-QLNS ngày 26 tháng 10 năm 202.

⁽³⁾ Năm 2022: Tiền tạm thu và nợ ngắn hạn Sở Y tế: 247 tỷ; Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố, tiền bồi thường phải trả: 284 tỷ; VP HĐND-UBND huyện Đak Hà: 12 tỷ; BQL ĐTXD huyện Tu Mơ Rông: 21 tỷ; BQL ĐTXD huyện ĐakGlei: 31 tỷ; BQL ĐTXD thành phố Kon Tum: 84 tỷ; BQL khu kinh tế: 28 tỷ; Sở Tài nguyên và Môi trường: 38 tỷ.

3. *Về kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước:* Thặng dư tài chính của Nhà nước năm 2022 là 2.229 tỷ đồng; tăng 61,89% tương đương 852 tỷ đồng so với năm 2021.

III. VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh tình hình tiền thu vào, tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo của Nhà nước. Trong năm 2022, lưu chuyển tiền thuần là 1.405 tỷ đồng; trong đó:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu (*tổng số tiền thu vào trong năm 2022 sau khi trừ đi số tiền chi ra từ hoạt động chủ yếu gồm hoạt động thuế, phí và lệ phí; các khoản chi hoạt động, ...; ngoại trừ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính*) là 3.283 tỷ đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (*tổng số tiền chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định, tài sản dài hạn, cho vay, góp vốn và đầu tư sau khi trừ đi số tiền thu thanh lý, nhượng bán*) là 1.891 tỷ đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (*tổng số tiền thu từ các khoản đi vay, hoạt động tài chính trong năm 2022 sau khi trừ đi số tiền hoàn trả gốc vay và hoạt động tài chính khác*) là 14 tỷ đồng.

IV. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC: (*Số liệu chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*)

V. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ CHUNG

BCTCNN là một nghiệp vụ chuyên sâu phức tạp vì phải thực hiện tổng hợp nhiều chế độ kế toán khác nhau. Với việc hoàn thành BCTCNN có chất lượng năm sau cao hơn năm trước, đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Thông qua số liệu tổng hợp về thu nhập và chi phí của tỉnh năm 2022 có thể thấy: Doanh thu từ NSNN, chi phí hoạt động ngày càng lớn, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng doanh thu, tổng chi phí thì mức độ xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục còn thấp.

Thực hiện Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính tài sản kết cấu hạ tầng được cập nhật đầy đủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, nhiều chỉ tiêu chưa được phản ánh, theo dõi trên sổ kế toán, Thông tư 39/2021/TT-BTC đã giao trách nhiệm lại cho các đơn vị trực tiếp theo dõi để báo cáo phần tài sản này. Theo đó, các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công tại địa phương như các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã nâng cao được ý thức, trách nhiệm của mình, từ đó có sự quan tâm hạch toán đầy đủ vào bộ sổ kế toán, chủ động trong công tác tổng hợp và báo cáo tài sản hằng năm theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Bên cạnh thuận lợi, việc nâng cấp phần mềm, tính khấu hao cho tài sản hạ tầng vẫn còn sai sót, các huyện vẫn chưa chủ động rà soát số liệu hạ tầng giao thông và hạ tầng nước sạch với các sở, ngành liên quan, dẫn đến Kho bạc Nhà nước Kon Tum phải đối chiếu, rà soát, điều chỉnh số liệu hạ tầng. Đặc biệt số lượng các trường học trên địa bàn huyện là đơn vị dự toán cấp I rất lớn đều phải thực hiện lập BCTCNN gửi trực tiếp đến Kho bạc nhà nước, vì vậy còn khó khăn trong việc lập và kiểm tra BCTCNN, nhất là phần tài sản tại đơn vị. Các đơn vị chưa chỉ đạo sát việc cung cấp thông tin báo cáo theo quy định, nên chất lượng thông tin báo cáo còn hạn chế, đặc biệt một số chỉ tiêu không phát sinh tại các đơn vị, đơn vị vẫn còn nhầm lẫn như các chỉ tiêu : Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá, phần vốn góp đơn vị, hạch toán khấu hao quyền sử dụng đất, cũng như không khấu hao tài sản vô hình phát sinh tại đơn vị.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Nhiệm kỳ 2021 -2026, Kỳ họp lần thứ 6 xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu: VT-KTTH_{NTS}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm